



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**  
Số 02 Đường Trần Thủ Độ, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 03/KQXN.18.07.2025

## BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

### I. Thông tin mẫu:

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

2. Mã mẫu:

08.07.25.A8(M1): Vòi phát Xí nghiệp Hưng Nhân

08.07.25.A9(M2): GĐ Nguyễn Thị Dung - TDP Vân Nam – Xã Long Hưng – Tỉnh Hưng Yên

08.07.25.A10(M3): GĐ Nguyễn Văn Nam - TDP Mỹ - Xã Long Hưng – Tỉnh Hưng Yên

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thử tích mẫu: 1000 ml

4. Nơi lấy mẫu: Xí nghiệp nước Hưng Nhân

5. Địa chỉ: TDP Đầu – Xã Long Hưng – Tỉnh Hưng Yên

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Vũ Tiến Hưng

7. Ngày nhận mẫu: 08/07/2025

8. Thời gian thí nghiệm: 08/07/2025

### II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Màu sắc (*)	Method 8025 (LoD=1.13)	< 3.78	KPH	KPH	mg/L Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	/	Không có mùi lạ
3.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7.59	7.55	7.53	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	0.214	0.331	0.371	NTU	2
5.	Clo dư (*)	Method 8021 (LoD= 0.05)	0.4	0.35	0.3	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (*)	Method 8008 (LoD= 0.012)	< 0.041	KPH	< 0.041	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (*)	Method 8149 (LoD= 0.006)	< 0.018	< 0.018	< 0.018	mg/L	0.1
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO <sub>3</sub> ) (*)	TCVN 6224:1996 (LoD= 8.02)	90	105	100	mg/L	300
9.	Hàm lượng Amoni(*)	Method 8038 (LoD= 0.02)	KPH	KPH	KPH	mg/L	1

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "\*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "\*\*\*" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv01-01/08/2023

1/2





**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 02 Đường Trần Thủ Độ, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 03/KQXN.18.07.2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT
			M1	M2	M3		
10.	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N <sup>(*)</sup> )	Method 8507 (LoD= 0.0015)	< 0.0052	0.006	0.006	mg/L	0.9
11.	Hàm lượng Sulfate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ) <sup>(*)</sup>	Method 8051 (LoD= 1.22)	6	6	5	mg/L	250
12.	Chỉ số Pecmanganat <sup>(*)</sup>	TCVN 6186:1996 (LoD= 0.10)	0.56	0.66	0.42	mg/L	2
13.	Hàm lượng muối Clorua <sup>(*)</sup>	TCVN 6194:1996 (LoD= 1.20)	6.38	5.67	5.67	mg/L	250 hoặc 300
14.	Hàm lượng Asen <sup>(**)</sup>	SMEWW3114 B:2017	<0.65x10 <sup>-3</sup> (b)	<0.65x10 <sup>-3</sup> (b)	<0.65x10 <sup>-3</sup> (b)	mg/L	0.01

**2. Chỉ tiêu vi sinh:**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả			Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT
			M1	M2	M3		
1.	Coliform <sup>(**)</sup>	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1
2.	E.coli <sup>(**)</sup>	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

**Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện ( Kết quả dưới mức LoD).
- LoD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.
- LoQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử.
- Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LoD E.coli, Coliform : 01CFU/ 100ml.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**Trần Văn Đức**

**TRƯỞNG PHÒNG KH- KT**  
  
**Nguyễn Trung Kiên**

Hưng Yên, ngày 18 tháng 07 năm 2025  
**TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM**  
  
**Phùng Thị Thu Hà**

- Lưu ý:**
1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.
  2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.
  3. "\*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
  4. "\*\*\*" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.